TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 02-6-2025
V/v tc "Hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Ngọc Thu.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal NaPat. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh V, địa chỉ liên hệ: Số E, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 01/6/2024). (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số A, C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh V là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày như sau:

Ngày 26/4/2021, Công ty TNHH S1, Chi nhánh V1 (nay là Công ty cổ phần S Có Ngay) có xác lập với anh Trương Quốc T Hợp đồng cầm cố số VLM210401030NA17X ngày 26/4/2021.

Tài sản cầm cố là: 01 xe máy biển số: 64B2-483.31; Loại xe: Exciter 150cc; Số khung: RLCUG0610HY586345; Số máy: G3D4E611470; Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 006428 do Công an V2 cấp ngày 19/4/2021; nội dung Hợp đồng cầm cố thể hiện: Số tiền cầm cố 17.000.000 đồng, thời hạn cầm cố: 12 tháng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; ngày giải ngân: 26/4/2021; gốc, lãi, phí trả hàng tháng vào ngày 26 tây; lãi suất cầm cố và các khoản phí được thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản: 4,5%/tháng.

Ngoài ra, Công ty và anh T còn thỏa thuận cho anh T mượn lại xe để sử dụng theo giấy mượn xe ký ngày 26/4/2021, hàng tháng anh T trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 26/4/2021 đến 26/5/2021. Nguyên đơn có giữ của bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký số: 006428 do Công an tỉnh V2 cấp ngày 19/4/2021 cho anh T.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố, khách hàng đã thế chấp: Xe mô tô 64B2-483.31; Loại xe: Exciter 150cc; Số khung: RLCUG0610HY586345; Số máy: G3D4E611470; Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 006428 do Công an V2 cấp ngày 19/4/2021. Tài sản đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch số: 1413622207 (web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/của Cục Đ.

Kể từ khi giải ngân cho đến nay anh T không thanh toán nợ cho công ty nên nợ chuyển sang quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Nay công ty yêu cầu anh T phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 25/4/2025 tổng cộng 30.651.000 đồng (bao gồm: Nợ gốc 17.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.100.667 đồng, lãi quá hạn: 4.550.333 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Công ty xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh T phải trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 34.005.741 đồng và rút lại yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 64B2-483.31 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Quốc T đã được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trương Quốc T. Cụ thể: Yêu cầu anh T phải thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 02/6/2025 tổng cộng 31.013.351 đồng tính đến ngày 02/6/2025 (nợ gốc: 17.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.342.234 đồng, lãi quá hạn: 4.671.117 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong tiền nợ. Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh T phải trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 34.005.741 đồng và rút lại yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 64B2-483.31 để thu hồi nợ.

Bị đơn anh Trương Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Trương Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền cầm cố tài sản. Do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 309 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn Trương Quốc T có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trương Quốc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tổng cộng là 31.013.351 đồng tính đến ngày 02/6/2025 (nợ gốc: 17.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.342.234 đồng, lãi quá hạn: 4.671.117 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 26/4/2021, anh Trương Quốc T ký kết Hợp đồng cầm cố số VLM210401030NA17X với Công ty Cổ phần S Có Ngay thể hiện số tiền cầm cố: 17.000.000 đồng. Tài sản cầm cố là: 01 xe máy biển số: 64B2-483.31; Loại xe: Exciter 150cc; Số khung: RLCUG0610HY586345; Số máy: G3D4E611470; Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 006428 do Công an V2 cấp ngày 19/4/2021, thời hạn cầm cố: 12 tháng; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; ngày giải ngân:

26/4/2021; gốc, lãi, phí trả hàng tháng vào ngày 26 tây. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T chưa thanh toán nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay là vi phạm Điều 3 của Hợp đồng cầm cố. Căn cứ vào khoản 27 Điều 4 Điều lệ của Công ty có nêu rõ các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có: Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: Dịch vụ cầm đồ, nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty Cổ phần S Có Ngay theo quy định tại Điều 309 và Điều 310 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi: Đến ngày 02/6/2025 Công ty Cổ phần S Có Ngay xác định anh Trương Quốc T còn nợ lãi quá hạn 14.013.351 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất và phí quy định tại Điều 4 của Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng cầm cố và yêu cầu tiếp tục tính lãi và phí phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hiện nay, nguyên đơn đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 006428 của anh T, nguyên đơn tự nguyện trả anh T nên ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay trả anh Trương Quốc T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 006428 do Công an V2 cấp ngày 19/4/2021.

[5] Cùng ngày ký hợp đồng cầm cố thì Công ty và anh T còn thỏa thuận cho anh T mượn lại xe để sử dụng theo Giấy mượn xe ký ngày 26/4/2021, thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 26/4/2021 đến 26/5/2021, hàng tháng anh T trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản. Tuy nhiên, nguyên đơn đã rút lại các yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu buộc anh T phải trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe: 34.005.741 đồng; trường hợp anh T không thực hiện nghĩa vụ, công ty yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 64B2-483.31 để thu hồi nợ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn anh Trương Quốc T phải chịu 1.550.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.537.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 1, 7, 8, 24 của Luật Doanh nghiệp; các Điều 117, 309, 310, 311, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay.

Buộc bị đơn Trương Quốc T phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tổng cộng là 31.013.351 đồng tính đến ngày 02/6/2025 (nợ gốc: 17.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.342.234 đồng, lãi quá hạn: 4.671.117 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả anh Trương Quốc T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 006428 do Công an V2 cấp ngày 19/4/2021.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh T phải trả tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 34.005.741 đồng; trường hợp anh T không thực hiện nghĩa vụ, công ty yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 64B2-483.31 để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Buộc bị đơn Trương Quốc T phải chịu 1.550.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.537.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số N_0 0007754 nộp ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Hải Châu